

## DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu đô thị thành phố công nghệ xanh Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường Đại Mỗ)

- I NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:** **HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ÔNG NGUYỄN NHƯ ĐÀI (ÔNG HOÀNG TRỌNG HIỀN LÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN)**
- Địa chỉ thường trú: TDP số 1 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ giải phóng mặt bằng: Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- 1 Tổng diện tích đất đang sử dụng: 1.996,0 m2 Trong đó:**
- Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất: 1.692,0 m2
- Diện tích đất phần trăm làm nhà (theo phương án giao đất nông nghiệp): 304,0 m2
- 2 Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi: 657,0 m2 Trong đó:**
- Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất: 657,0 m2
- 3** Căn cứ Biên bản số 07/BB-UBND ngày 24/3/2025 về việc điều tra, khảo sát ghi nhận hiện trạng; Giấy xác nhận số 01/GXN-UBND ngày 11/4/2025 của UBND phường Đại Mỗ về nguồn gốc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, về nhân khẩu, hộ gia đình phục vụ công tác GPMB Dự án

**II PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:**

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Bồi thường về đất:</b>					<b>190.530.000</b>	<b>(1)</b>
-	Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP, đã được cấp GCNQSDĐ	m2	657,0	290.000	100%	190.530.000	Căn cứ Thông báo số 47/TB-UBND ngày 30/7/2025 của UBND phường Đại Mỗ về việc tiếp tục áp dụng giá đất nông nghiệp cụ thể đã được phê duyệt làm cơ sở tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp
<b>2</b>	<b>Các khoản hỗ trợ:</b>					<b>1.971.000</b>	<b>(2)</b>
-	Thưởng tiến độ giải phóng mặt bằng (Theo Khoản 1, Điều 18, bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội: 3.000 đồng/m2 nhưng không quá 3.000.000 đồng/chủ sử dụng)	m2	657,0	3.000	100%	1.971.000	
<b>3</b>	<b>Bồi thường về cây cối, hoa màu:</b>					<b>7.444.200</b>	<b>(3)</b>
-	<b>Cây trồng trên thửa đất số 192 tờ bản đồ số 22 diện tích 240m2</b>						
+	Rau muống chuyên canh	m2	240	18.900	100%	4.536.000	
-	<b>Cây trồng trên thửa đất số 316 tờ bản đồ số 15 diện tích 268m2</b>						
+	Cây vông: 5 < ĐK thân < 10cm	cây	3	42.000	100%	126.000	
+	Rau bí loại chưa có quả	m2	28	4.200	100%	117.600	
+	Xu hào	m2	10	8.400	100%	84.000	
-	<b>Cây trồng trên thửa đất số 1013 tờ bản đồ số 23 diện tích 149m2</b>						
+	Cây mít: 15 cm ≤ ĐK thân < 20 cm; cao ≥ 3,5 m	cây	2	682.500	100%	1.365.000	
+	Cây Bưởi: 5 cm ≤ ĐK thân < 10 cm; 2 m < cao ≤ 3 m	cây	6	167.600	100%	1.005.600	
+	Cây Sung: 20 cm ≤ ĐK thân < 25 cm; ĐK tán ≥ 4,5 m	cây	1	210.000	100%	210.000	
<b>Tổng cộng: (1+2+3)</b>						<b>199.945.200</b>	
<i>(Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng./.)</i>							